

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 559 /2024/DS-PT

Ngày: 22/11 /2024

V/v tranh chấp "Chia tài sản chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: "**Chia tài sản chung**".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 436 /2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, TP .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: A N, Khu phố A, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền: Số 004629, Quyền số 05/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng C, Tiền Giang).

2. **Bị đơn:** Anh Lê Phạm Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố C, Phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số H N, Khu phố I, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Văn bản ủy quyền: Số 017373, Quyền số 18/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Văn phòng C, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Phạm Minh T1, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: C N, Khu phố C, Phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Phạm Minh trí; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Phạm Minh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2019, cháu bà là anh Lê Phạm Minh T và chị Lê Phạm Minh T1 kêu bà hùn tiền với anh Lê Phạm Minh T mỗi người 50% để nhận chuyển nhượng thửa đất của anh Trần Hữu T2, ông Trần Văn T3 và bà Trần Thị B, diện tích khoảng 2.000m² tại khu phố G, phường L, thành phố G, để sau này bán lại chia lợi nhuận. Bà H đã đồng ý và hùn với anh T số tiền 850.000.000 đồng để chuyển nhượng hai thửa đất.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại Phòng công chứng số B tỉnh Tiền Giang, bà H, anh T thực hiện ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa 28312.01.605 tờ bản đồ số 1, diện tích 1.571,57m² đất thổ + vườn của anh Trần Hữu T2; ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa 2948 tờ bản đồ số 1, diện tích 398,43m² đất màu của Trần Văn T3 và Trần Thị B, trên đất có căn nhà tạm không có giá trị sử dụng.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà H và anh T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10164 thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm.

Quá trình làm chủ sử dụng thì bà H không được chị T1, anh T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không giao đất cho bà H quản lý.

Bà H khởi kiện yêu cầu anh T chia tài sản chung cho bà ½ quyền sử dụng đất với đối 02 thửa đất nêu trên và nhận bằng giá trị với số tiền là 1.136.722.500 đồng. Vì lý do là bà H lớn tuổi, sống ở Thành phố nên không có nhu cầu sử dụng đất và bà cần tiền để sinh sống. Không yêu cầu chia tài sản là căn nhà trên đất. Yêu cầu anh T giao tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Phạm Minh T và Người liên quan Lê Phạm Minh T1 trình bày:*

Trước đây, bà H và chị T1 có thỏa thuận hai bên hùn vốn để mua bán đất kiếm lời, lúc đó chưa ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên năm 2019, do vợ chồng chị T1 phát sinh mâu thuẫn nên chị T1 mua đất nhưng nhờ anh T và bà H đứng tên quyền sử dụng đất. Thực ra người nhận chuyển nhượng là chị T1, bà H không có đưa tiền cho chị T1.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, chị T1 và anh T không đồng ý với các lý do sau:

- Chị T1 là người trực tiếp giao dịch, chuyển nhượng, giao tiền cho 02 chủ đất;
- Bà H không có giao tiền cho chị T1 để chị T1 giao tiền cho chủ đất;
- Quá trình chuyển nhượng đất với anh T2 phát sinh tranh chấp nên bà H không hùn vốn nữa.

Bản án sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 219; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H:

1. Bà Phạm Thị H được chia giá trị tính bằng đồng Việt Nam với số tiền 1.136.722.500 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) đối với phần đất:

- Thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên.

- Thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên;

Địa chỉ thửa đất: Khu phố G, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

2. Buộc anh Lê Phạm Minh T có nghĩa vụ chia cho bà Phạm Thị H số tiền 1.136.722.500 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Lê Phạm Minh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Anh Lê Phạm Minh T có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để anh Lê Phạm Minh T đứng tên:

- Thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số CS10164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên sang cho anh Lê Phạm Minh T.

- Thừa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên sang cho anh Lê Phạm Minh T.

Địa chỉ thửa đất: Khu phố G, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 23/7/2024, anh Lê Phạm Minh T và chị Lê Phạm Minh T1 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án DSST theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phạm Minh T và chị Lê Phạm Minh T1.

- Bị đơn anh Lê Phạm Minh T vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Phạm Minh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn ½ giá trị diện tích hai thửa đất 482, 483 là phù hợp quy định pháp luật và thực tế sử dụng đất. Anh T kháng cáo nhưng Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh T vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phạm Minh T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Phạm Minh T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố G.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Lê Phạm Minh T là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, xem như anh T đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phạm Minh T.

Đơn kháng cáo các đương sự nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Chia tài sản chung” là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: chị Lê Phạm Minh T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng hai thửa đất, xét thấy:

Xét các bên đương sự đều thừa nhận, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10164 thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm vào ngày 14/7/2022; Toàn bộ quyền sử dụng đất hiện nay do anh Lê Phạm Minh T đang quản lý. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết trên là đúng sự thật.

Xét nguồn gốc quyền sử dụng hai thửa đất được hình thành từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa bà Phạm Thị H, anh Lê Phạm Minh T và anh Trần Hữu T2 đối với phần đất thửa 605 với diện tích 1.571,57m² đất ONT+CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08530V-LT do Ủy ban nhân dân thị xã G nay là thành phố G cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, nội dung anh T2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, anh T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa bà Phạm Thị H, anh Lê Phạm Minh T và ông Trần Văn T3, bà Trần Thị B đối với phần đất thửa 2948 với diện tích 398,43m² đất CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07209V-LT do Ủy ban nhân dân thị xã G nay là thành phố G cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, nội dung ông T3, bà B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, anh T. Hợp đồng được Phòng công chứng số 02 tỉnh Tiền Giang công chứng hợp pháp.

Xét lời khai của chị T1, anh T trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H, anh T với anh Hữu T2 thể hiện: Anh T và bà H cùng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 28312.01.605 với số tiền thỏa thuận là 1.487.500.000 đồng, trả trước

1.187.500.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng bà H, anh T đã giao đủ cho anh T2 vào ngày 11/11/2021.

Xét Bản án số 43/2022/DS-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tiền Giang Quyết định: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị H, anh Lê Phạm Minh T và anh Trần Hữu T2 đối với phần đất thửa 605 với diện tích 1.571,57m² đất ONT+CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08530V-LT do Ủy ban nhân dân thị xã G nay là thành phố G cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009 cho anh Trần Hữu T2 đứng tên là hợp pháp; Anh Trần Hữu T2, chị Trần Thị L cùng có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị H, anh Lê Phạm Minh T phần đất thửa 605 với diện tích 1.571,57m² đất ONT+CLN cùng tài sản trên đất.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm là tài sản chung của bà Phạm Thị H, anh Lê Phạm Minh T theo quy định Điều 208, Điều 210 Bộ luật dân sự. Bà H và anh T có quyền sử dụng và định đoạt tài sản chung ngang nhau.

Xét kết quả thẩm định giá tài sản theo chứng thư thẩm định giá ngày 15/8/2023, tổng giá trị hai thửa đất 482 và 483 là 2.273.445.000 đồng, hai bên đều thống nhất.

Do anh Lê Phạm Minh T hiện đang quản lý, sử dụng toàn bộ hai thửa đất không giao cho bà H sử dụng chung và diện tích hai thửa đất cũng không đủ để tách thửa theo quy định pháp luật nên bà Phạm Thị H yêu cầu anh T chia lại cho bà ½ giá trị hai thửa đất số tiền 1.136.722.500 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh Lê Phạm Minh T có nghĩa vụ chia cho bà Phạm Thị H số tiền 1.136.722.500 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Xét chị T1 kháng cáo cho rằng thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm và thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm không phải là tài sản chung của bà H với anh T nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Phạm Minh T1.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh T và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T1 nên anh T chị T1 phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 289, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 208, Điều 210, Điều 219; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh Lê Phạm Minh T;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Phạm Minh T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H:

1. Bà Phạm Thị H được chia giá trị tính bằng đồng Việt Nam với số tiền 1.136.722.500 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng các thửa đất:

- Thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên.

- Thửa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên;

Địa chỉ thửa đất: Khu phố G, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

2. Buộc anh Lê Phạm Minh T có nghĩa vụ giao cho bà Phạm Thị H số tiền 1.136.722.500 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Lê Phạm Minh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Anh Lê Phạm Minh T được toàn quyền sử dụng đất và có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai để anh Lê Phạm Minh T đứng tên quyền sử dụng đất đối với:

- Thửa 483, tờ bản đồ số 16, diện tích 923,1m², đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên sang cho anh Lê Phạm Minh T.

- Thừa 482, tờ bản đồ số 16, diện tích 401,4m², đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10146 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2022, bà Phạm Thị H và anh Lê Phạm Minh T đứng tên sang cho anh Lê Phạm Minh T.

Địa chỉ thửa đất: Khu phố G, phường L, thành phố G, Tiền Giang.

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

- Anh Lê Phạm Minh T chịu 46.101.675 đồng (*Bốn mươi sáu triệu một trăm lẻ một nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000912 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

- Chị Lê Phạm Minh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000913 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Phạm Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Lê Phạm Minh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. G;
- Chi cục THADS Tp. G;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân